

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 226/BC-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, gồm:

- a) Đại hội thể dục thể thao;
- b) Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao;
- c) Giải thi đấu thể thao quần chúng;
- d) Hội khỏe Phù Đổng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ lập, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao quy định tại Nghị quyết này;

b) Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao;

c) Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;

d) Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu; thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá, futsal;

đ) Vận động viên, huấn luyện viên;

e) Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ;

g) Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu;

h) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguồn kinh phí và quản lý sử dụng kinh phí

1. Kinh phí chi trả cho các nội dung tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn tài chính cho thể dục, thể thao theo quy định tại Điều 64 Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11.

2. Kinh phí bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, trong đó:

a) Cơ quan chủ trì tổ chức giải thi đấu thể thao có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí để tổ chức giải trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

b) Cơ quan cử vận động viên tham gia thi đấu có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí bảo đảm cho việc đi lại, ăn, thuê chỗ nghỉ và các chế độ theo quy định đối với vận động viên, huấn luyện viên và các cán bộ thuộc đoàn thể thao được cử tham gia thi đấu trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

Điều 3. Mức chi**1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu****a) Đối tượng chi và mức chi**

Số thứ tự	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)
I	Giải thi đấu thể thao cấp tỉnh	
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	190.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	160.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	190.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	130.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	80.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Hội khỏe Phù Đổng)	
a	Người tập	
a1	Tập luyện	60.000/buổi
a2	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	100.000/buổi
a3	Chính thức	160.000/buổi
b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	140.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal tại Đại hội thể dục thể thao; giải bóng đá trẻ	
a	Giải bóng đá nam, nữ	
a1	Trọng tài chính	320.000/buổi
a2	Trợ lý trọng tài, giám sát	210.000/buổi
a3	Điều phối viên	160.000/buổi

Số thứ tự	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)
b	Giải futsal nam, nữ	
b1	Trọng tài chính	210.000/buổi
b2	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000/buổi
b3	Điều phối viên	120.000/buổi
II	Giải thi đấu thể thao cấp xã	Tối đa bằng 80% mức chi giải thi đấu thể thao cấp tỉnh
III	Giải thi đấu thể thao của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; cấp xã	Tối đa bằng 80% mức chi giải thi đấu thể thao của cấp tương ứng

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

c) Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

c1) Được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c2) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

c3) Trường hợp đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này đồng thời thuộc đối tượng được hưởng chính sách có cùng nội dung, tính chất hỗ trợ theo các văn bản khác thì chỉ được hưởng một chính sách ở mức cao nhất.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại đối với các đối tượng quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu. Mức chi cụ thể như sau:

a) Tiền ăn trong thời gian tham gia giải thi đấu: Thực hiện theo chế độ phụ cấp lưu trú quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

b) Tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND.

Người thuộc đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi đi công tác phục vụ đại hội, giải thi đấu được hưởng chế độ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại theo quy định tại Nghị quyết này hoặc chế độ phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại theo quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Hội khỏe Phù Đổng): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 117/2025/TT-BTC.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực toàn bộ kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định: Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; Chế độ quản lý đặc thù đối với đội tuyên truyền lưu động; Chế độ chi tiêu tài chính đối với các hoạt động thể thao và các giải thi đấu thể thao; Chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh Bắc Kạn;

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương